

BÁO CÁO
GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG,
XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2022

Kính gửi:

- Sở Tài chính Hà Nội;
- Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội;
- Sở Lao động & TBXH thành phố Hà Nội;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về Giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015;

Căn cứ Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ;

Căn cứ Kết quả thực hiện nhiệm vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp và Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn ASEAN thực hiện kiểm toán hoàn thành tháng 01 năm 2023.

Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ kính báo cáo Liên sở: Tài chính – Nông nghiệp & PTNT - Lao động và thương binh xã hội về việc đánh giá tình hình tài chính và đánh giá hiệu quả, xếp loại doanh nghiệp năm 2022 như sau:

I. Đặc điểm tình hình hoạt động của doanh nghiệp:

1. Khái quát chung:

Công ty TNHH một thành viên đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, hoạt động công ích. Nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh chính là tưới, tiêu, phòng chống lụt, bão phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh, xã hội với diện tích tưới, tiêu sản xuất nông nghiệp là 79.775 ha; diện tích tiêu, thoát nước khu vực nông thôn và đô thị là 59.039ha.

- Tổng số CBCNV của Công ty (đến ngày 31/12/2021) là 1.151 người, trong đó 335 người có trình độ đại học và thạc sỹ, 806 người có trình độ cao đẳng, trung cấp và công nhân kỹ thuật, 10 người trình độ khác (gồm bảo vệ, lái xe, tạp vụ).

- Cán bộ quản lý doanh nghiệp gồm:

+ 01 đồng chí Chủ tịch Công ty;

+ 01 đồng chí Tổng Giám đốc;

+ 03 đồng chí Phó Tổng Giám đốc (01 đồng chí Phó Tổng Giám đốc được bổ nhiệm từ 29/12/2022);

+ 01 đồng chí Kế toán trưởng (01 đồng chí nghỉ hưu từ 01/12/2022 và 01 đồng chí Kế toán trưởng mới được bổ nhiệm từ 29/12/2022);

+ 01 đồng chí Kiểm soát viên.

- Các đơn vị trực thuộc Công ty có 13 đơn vị gồm: 04 phòng chức năng (phòng Tổ chức hành chính, phòng Kế hoạch Kỹ thuật, phòng Tài chính Kế toán, phòng Quản lý nước và Công trình); 08 Xí nghiệp Thủy lợi: Ứng Hoà, Hồng Vân, Phú Xuyên, Liên Mạc, Hà Đông, Nhật Tựu, Thanh Trì, Từ Liêm; Xí nghiệp tư vấn xây dựng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Thuận lợi và khó khăn:

*** Thuận lợi:**

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND Thành phố; các Sở, Ngành thuộc Thành phố và trực tiếp là Liên Sở Tài chính - Nông nghiệp & PTNT; các địa phương trong lưu vực hệ thống thủy lợi Sông Nhuệ đối với công tác tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và phòng chống thiên tai.

- Tập thể lãnh đạo Công ty đoàn kết, CBCNV yên tâm công tác gắn bó với cơ quan, quyết tâm phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

*** Khó khăn:**

Tính đến 31/12/2022, Công ty mới được cấp kinh phí đặt hàng là 74 tỷ/100,8 tỷ đồng đặt hàng năm 2022 (phần tạm tính theo đơn giá thủy lợi phí). Với nguồn kinh phí hạn hẹp như vậy, Công ty chỉ ưu tiên được khoản chi thường xuyên như:

thanh toán 60-80% kinh phí tiền lương cho người lao động, thanh toán các khoản trích theo lương đối với đơn vị bảo hiểm để đảm bảo quyền lợi cho người lao động và chỉ một số khoản thường xuyên khác phục vụ duy trì hoạt động của doanh nghiệp.

Ngày 30/12/2022, Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội phê duyệt điều chỉnh đặt hàng cung cấp dịch vụ thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội tại Quyết định số 2556/QĐ-SNN; theo đó, kinh phí đặt hàng điều chỉnh, bổ sung gồm: Kinh phí theo giá dịch vụ công ích thủy lợi tại Quyết định số 5470/QĐ-UBND ngày 31/12/2021, kinh phí hỗ trợ chênh lệch đơn giá theo Quyết định số 6684/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 và Quyết định số 5470/QĐ-UBND, kinh phí hỗ trợ tiền điện và tiền lương.

Bên cạnh đó, những tháng đầu năm Đại dịch COVID-19 đã tác động nghiêm trọng đến mọi mặt trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Đồng thời, tình hình thời tiết, khí hậu và thủy văn tiếp tục có diễn biến theo chiều hướng cực đoan đã gây bất lợi đối với công tác phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh, kinh tế, xã hội; tình hình vi phạm và tái lấn chiếm vi phạm công trình theo Luật Thủy lợi ngày càng gia tăng cả về số lượng và mức độ vi phạm; nguồn nước tưới bị ô nhiễm nghiêm trọng đã gây khó khăn cho quá trình điều hành phục vụ sản xuất và thực hiện nhiệm vụ của người lao động.

II. Tình hình hoạt động phục vụ sản xuất:

- Công ty đã điều hành hệ thống, vận hành công trình thủy lợi phục vụ tốt công tác tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp, dân sinh, xã hội. Về tưới, đảm bảo cấp đủ nước, đúng thời vụ nên không có diện tích phải chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước. Về tiêu, thực hiện chủ động, kịp thời hạn chế thấp nhất diện tích giảm năng suất do úng ngập, không có diện tích bị mất trắng.

- Chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện tốt phương án phòng, chống thiên tai trên địa bàn phụ trách, góp phần hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra. Công tác kiểm tra công trình được thực hiện thường xuyên, nhất là thời điểm trước và sau mùa mưa lũ, báo cáo Tổng Cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và PTNT theo quy định. Công tác bảo vệ, chống lấn chiếm vi phạm công trình được thực hiện thường xuyên, liên tục; luôn phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện.

- Phối hợp tốt với các ngành của địa phương như: Giao thông, xây dựng, tài nguyên môi trường góp phần phát triển ngành nông nghiệp, ổn định đời sống của người dân; góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

III. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

Công ty đã sử dụng nguồn kinh phí đặt hàng đúng mục đích, đúng đối tượng vào hoạt động quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Thực hiện tốt việc

quản lý doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; chấp hành chế độ báo cáo tài chính đầy đủ, kịp thời và chính xác.

Việc lập và sử dụng quỹ của doanh nghiệp phù hợp với các chế độ quy định hiện hành và thực hiện theo Quy chế sử dụng quỹ phúc lợi tập thể của Công ty được thông qua Đại hội đại biểu người lao động hàng năm.

Thực hiện tốt việc quản lý sử dụng tiền vốn, tài sản, vật tư để phục vụ sản xuất, bảo toàn vốn và tài sản được giao.

1. Công tác bảo toàn và phát triển vốn

- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm ngày 01/01/2022: 1.796.122 triệu đồng.

- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm ngày 31/12/2022: 1.796.616 triệu đồng.

Trong đó:

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.622.893 triệu đồng.

+ Quỹ Đầu tư phát triển: 1.431 triệu đồng.

+ Nguồn vốn đầu tư XDCB: 172.292 triệu đồng.

- Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2022: 1.907.285 triệu đồng.

- Lợi nhuận sau thuế: 5.948 triệu đồng.

Năm 2022, Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ bảo toàn và phát triển vốn nhà nước lớn hơn 01 lần (Vốn NN cuối kỳ/ Vốn NN đầu kỳ).

2. Về việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

a. Hoạt động đầu tư vốn đối với các dự án đầu tư, gồm: Nguồn vốn huy động, tiến độ thực hiện dự án đầu tư, tiến độ giải ngân vốn đầu tư: Không phát sinh.

b. Hoạt động đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: Không phát sinh.

c. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động, phát hành trái phiếu: Không phát sinh.

d. Tình hình quản lý tài sản, quản lý nợ tại doanh nghiệp, khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu.

- Quản lý tài sản: Công ty thực hiện quản lý tài sản theo quy định hiện hành của nhà nước về đầu tư mua sắm, sửa chữa nâng cấp, trích khấu hao tài sản cố định. Tính đến 31/12/2022, tổng tài sản của Công ty là 1.907.285 triệu đồng; trong đó, tài sản ngắn hạn là 128.933 triệu đồng, tài sản dài hạn là 1.778.352 triệu đồng.

- Tình hình diễn biến tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

+ Tăng trong kỳ: 1.781 triệu đồng (Nhập tăng TSCĐ của trạm bơm Mai Trang, 03 tổ máy trạm bơm Ngoại Độ 1, máy photo Văn phòng Công ty, máy photo Xí nghiệp Hồng Vân)

+ Giảm trong kỳ: 3.670 triệu đồng (Giảm nguyên giá TSCĐ do thanh lý tài sản cố định Văn phòng Xí nghiệp Thanh Trì, trạm bơm Đại Áng, Nam Liên, Cổ Châu, Đường Ngay, Bìm, Liên Phương, Đồng Vê)

- Quản lý nợ: Thực hiện Văn bản của Sở Tài chính số 08/CV-TCDN ngày 24/01/2014 của Chi cục Tài chính doanh nghiệp về việc triển khai thực hiện Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Ngày 12/4/2014 Công ty đã ban hành Quyết định số 506/QĐ-CTSN-TV kèm theo Quy chế quản lý nợ và triển khai thực hiện quản lý nợ theo Quy chế đã ban hành.

+ Nợ phải thu ngắn hạn đến ngày 31/12/2022 là 122.941 triệu đồng.

+ Nợ phải trả ngắn hạn đến ngày 31/12/2022 là 110.621 triệu đồng.

- Khả năng thanh toán nợ đến hạn (TSNH/NHN) là 1,17 lần; hệ số này thể hiện tại thời điểm 31/12/2022 Công ty có khả năng thanh toán nợ đến hạn.

- Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu là 0,068 lần; như vậy, các tài sản của doanh nghiệp được tài trợ chủ yếu bởi nguồn vốn chủ sở hữu.

e. Tình hình lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp.

- Tiền và tương đương tiền đầu kỳ là 6.581 triệu đồng.

- Tiền và tương đương tiền cuối kỳ là 5.338 triệu đồng.

- Lượng tiền mặt tạo ra đủ để đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính và để thanh toán kịp thời các khoản nợ đến hạn của doanh nghiệp.

3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

a. Việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, thực hiện nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, đấu thầu:

Việc thực hiện nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, đấu thầu: Công ty đã cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, tiêu dân sinh xã hội trên địa bàn đảm bảo khối lượng, chất lượng và thời hạn theo quy định.

Kết quả thực hiện công tác đặt hàng năm 2022: Tại Quyết định số 1417/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động năm 2022 của Công ty, chỉ tiêu kế hoạch về tình hình thực hiện sản phẩm dịch vụ công ích là 156.280 ha; chỉ tiêu này được xây dựng căn cứ theo Quyết định số 285/QĐ-SNN ngày 18/02/2022 của Sở nông nghiệp và PTNT Hà Nội về việc đặt hàng cung cấp dịch vụ thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2022. Diện tích đặt hàng trên chưa loại trừ diện tích giảm không thực hiện được do tác động của những nguyên nhân khách quan như:

+ Diện tích giảm do dân bỏ ruộng không trồng;



+ Diện tích giảm do chuyển đổi mục đích sử dụng: Thu hồi đất nông nghiệp làm dự án xây dựng khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làm đường giao thông...

Với những nguyên nhân khách quan nêu trên nên trong năm 2022 Công ty thực hiện cung cấp dịch vụ tưới, tiêu đạt sản lượng là 138.814 ha; đạt 89% so với chỉ tiêu kế hoạch do UBND thành phố giao.

Ngày 30/12/2022, Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội phê duyệt Quyết định số 2556/QĐ-SNN về việc điều chỉnh đất hàng cung cấp dịch vụ thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2022; theo đó, diện tích đất hàng được điều chỉnh là 138.814 ha, diện tích này đã loại bỏ các yếu tố tác động của khách quan trên và phản ánh thực tế diện tích phục vụ của Công ty. So sánh chỉ tiêu diện tích tưới, tiêu thực hiện với đất hàng Công ty đạt kế hoạch 100%.

b. Kết quả hoạt động kinh doanh: Doanh thu, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA).

Việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 theo Quyết định số 1417/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của UBND thành phố Hà Nội được thể hiện qua các chỉ tiêu sau:

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quyết định số 1417/QĐ- UBND ngày 27/4/2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ (%) TH/KH
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	triệu đồng	101.107	189.005	186,94
1.1	Doanh thu cung cấp dịch vụ	triệu đồng	100.859	187.183	185,59
1.2	Doanh thu khác	triệu đồng	222	68	30,34
1.3	Doanh thu hoạt động tài chính	triệu đồng	26	56	217,07
-	Lãi tiền gửi NH	triệu đồng		56	
1.4	Thu nhập khác (Thu nhập từ thanh lý TSCĐ)	triệu đồng		1.698	
2	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	5.857	5.948	101,56

- Doanh thu và thu nhập: 189.005 triệu đồng/ KH 101.107 đạt 186, 94% triệu đồng (nguyên nhân chính là do doanh thu theo kế hoạch được tạm tính theo đơn giá thủy lợi phí công ích chưa tính phần kinh phí cấp hỗ trợ cho Công ty theo quy định tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về việc quy

định chi tiết về sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi gồm: Hỗ trợ chênh lệch theo đơn giá, hỗ trợ chênh lệch tiền điện, hỗ trợ chênh lệch tiền lương); đạt 100,99% so với thực hiện năm 2021 (187.156 triệu đồng).

- Lợi nhuận sau thuế: 5.948 triệu đồng/KH 5.857 triệu đồng đạt 101, 56%; đạt 44,19% so với thực hiện năm 2021 (Năm 2021 lợi nhuận sau thuế là 13.461 triệu đồng, bao gồm: Lợi nhuận từ Hợp đồng hợp tác đầu tư là 7.157 triệu đồng, lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh là 6.304 triệu đồng).

- Hiệu quả sử dụng vốn:

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE): 0,37%.

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA): 0,31%.

c. Việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

Công ty thực hiện đầy đủ và đúng chính sách pháp luật đối với ngân sách nhà nước. Trong năm, Công ty đã nộp ngân sách nhà nước 1.340 triệu đồng, gồm: Tiền thuê đất của 03 Xí nghiệp: Thanh Trì, Liên Mạc, Từ Liêm là 969 triệu đồng; thuế GTGT là 209 triệu đồng; thuế TNDN là 102 triệu đồng; thuế TNCN là 13 triệu đồng và các phí khác là 35 triệu đồng.

d. Phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

- Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Nhà nước, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Dư cuối năm
1. Quỹ Đầu tư phát triển	2.578	0	1.147	1.431
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	9.095	7.246	7.990	8.350
Trong đó: Quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên	164	156	135	185

4. Việc chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; ban hành và thực hiện quy chế quản lý tài chính của doanh nghiệp:

Công ty luôn chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Thực hiện tốt Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty tại Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 và Quy chế Quản lý tài chính của Công ty tại Quyết định số 4483/QĐ-UBND ngày 27/9/2011 của UBND thành

phố Hà Nội; Công ty đã có văn bản trình Sở Tài chính Hà Nội về xem xét, thẩm định và trình UBND thành phố Hà Nội phê duyệt Quy chế Tài chính của Công ty thay thế Quy chế Tài chính tại Quyết định số 4483/QĐ-UBND ngày 27/9/2011 cho phù hợp với công tác quản lý tài chính của Công ty và các chế độ hiện hành của Nhà nước.

5. Việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty con, công ty liên kết:

Ngày 30/7/2019, UBND Thành phố ban hành Quyết định số 4064/QĐ -UBND về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ; theo đó, vốn điều lệ của Công ty điều chỉnh tăng từ 600.000.000.000 đồng lên 2.155.000.000.000 đồng.

6. Việc thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm và quyền lợi khác đối với người lao động, người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên, Người đại diện phần vốn của doanh nghiệp theo quy định của Bộ luật Lao động

Công ty thực hiện tạm ứng các chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm và quyền lợi khác đối với người lao động, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp đúng theo quy định.

- Tổng số lao động tại thời điểm ngày 31/12/2022 là 1.145 người; quỹ tiền lương thực hiện của người lao động là 74.741 triệu đồng; tiền lương bình quân của người lao động là 5,44 triệu đồng/người/tháng;

- Tổng số cán bộ quản lý doanh nghiệp của Công ty là 6 người (01 đồng chí Kế toán trưởng nghỉ hưu từ ngày 01/12/2021); ngày 29/12/2022, UBND thành phố bổ nhiệm 01 đồng chí Phó Tổng giám đốc Công ty và 01 đồng chí Kế toán trưởng. Quỹ tiền lương thực hiện cán bộ quản lý doanh nghiệp là 1.698 triệu đồng, tiền lương bình quân là 23.58 triệu đồng/người/tháng.

- Tổng kinh phí BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ: 17.099 triệu đồng.

IV. Đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp, đánh giá kết quả hoạt động của người quản lý doanh nghiệp năm 2022:

1. Đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp năm 2022

Thực hiện việc đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp căn cứ vào các tiêu chí quy định tại Điều 28 Nghị định 87/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ và Điều 12 Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính. Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và xếp loại doanh nghiệp, đánh giá kết quả hoạt động của người quản lý doanh nghiệp năm 2022 căn cứ vào các tiêu chí được xếp loại như sau:

STT	Tiêu chí	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %	Xếp loại
1	Tiêu chí 1: Doanh thu	Triệu đồng	101.107	189.005	186,94	A
2	Tiêu chí 2:					A
-	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	5.857	5.948	101,56	
-	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH BQ	%	0,36	0,37		
3	Tiêu chí 3:					A
-	Nợ phải trả quá hạn	Triệu đồng	0	0		
-	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	>1	1,17		
4	Chấp hành pháp luật về đầu tư...		Chấp hành tốt	Chấp hành tốt pháp luật về đầu tư,... tuy nhiên chưa kịp thời trong kê khai thuế		B
5	Tình hình thực hiện sản phẩm dịch vụ công ích	ha	156.280	138.814	89	A
6	Tự xếp loại doanh nghiệp					B



Đối với tiêu chí 5- Tình hình thực hiện sản phẩm dịch vụ công ích: Tổng diện tích tưới tiêu nghiệm thu năm 2022 là 138.814 ha/kế hoạch 156.280 ha (Quyết định số 1417/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của UBND thành phố Hà Nội), giảm 17.466 ha, đạt 89%. Diện tích tưới, tiêu thực hiện giảm so với kế hoạch do những yếu tố khách quan sau:

- Diện tích tiêu, thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị: 59.039 ha/ 70.235 ha, giảm 11.196 ha, do:

+ Công ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi Hà Nam không ký hợp đồng tiêu 9.704 ha (do UBND tỉnh Hà Nam không quy định mức thu đối với công tác tiêu dẫn đến Công ty Thủy lợi Hà Nam cũng không ký nghiệm thu tiêu được với các địa phương trong lưu vực) nên giảm 9.704 ha;

+ Công ty và Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Đáy thực hiện rà soát lại diện tích phục vụ tạo nguồn giảm 1.492 ha.

- Diện tích tưới, tiêu nông nghiệp: 79.775 ha/ 86.045 ha, giảm 6.270 ha, do:

+ Công ty thực hiện rà soát lại diện tích theo Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 20/9/2020 của UBND thành phố Hà Nội và diện tích dân bỏ ruộng không cấy giảm 6.260 ha;

+ Diện tích chuyển đổi mục đích sử dụng: Thu hồi đất nông nghiệp làm dự án xây dựng khu đô thị, làm nhà văn hóa thôn, làm đường giao thông nội đồng, làm chuồng trại, nhà trông nom của HTX... giảm 40 ha;

+ Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng tăng 30 ha;

Việc giảm diện tích nghiệm thu là do các nguyên nhân khách quan như đã nêu trên. Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích tưới, tiêu nước đảm bảo phục vụ tốt sản xuất nông nghiệp, tiêu dân sinh xã hội trên địa bàn quản lý; không có diện tích bị úng hạn, chất lượng dịch vụ được UBND các Huyện, Quận và khách hàng ghi nhận, đánh giá cao. Diện tích tưới, tiêu thực hiện (138.814 ha) và đạt 100% sản lượng phục vụ được giao tại Quyết định số 2556/QĐ-SNN ngày 30/12/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội (138.814 ha). Công ty kính đề nghị Sở Tài chính Hà Nội xem xét, đánh giá Công ty hoàn thành tốt công tác thực hiện nhiệm vụ công ích; tiêu chí 5 xếp loại A.

2. Đánh giá kết quả hoạt động của người quản lý doanh nghiệp năm 2022:

Năm 2022, Viên chức quản lý Công ty luôn hoàn thành tốt công tác trong việc điều hành phục vụ sản xuất nông nghiệp; công tác quản lý tài chính đảm bảo chỉ tiêu theo đúng chế độ; bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Đối chiếu các tiêu chí và mức xếp loại doanh nghiệp nêu trên, Công ty tự xếp loại viên chức quản lý: Hoàn thành nhiệm vụ.

(Kèm theo báo cáo gồm các biểu số: 02.C, 02.D, 02.Đ, 03.A, 05.A, 05.B, 06.B, 06.C).

Công ty TNHH một thành viên đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ kính báo cáo Sở Tài chính Hà Nội, Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội và Sở Lao động & Thương binh xã hội Hà Nội với các nội dung như trên./.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lãnh đạo Công ty;
- KSV Công ty;
- Lưu VT; TCKT(Hiện).



Vũ Mạnh Hùng

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2022

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Nội dung	Cùng kỳ năm 2020	Cùng kỳ năm 2021	Năm 2022			Biến động so với (tỷ lệ %)			
			Kế hoạch		Thực hiện	Cùng kỳ năm 2020	Cùng kỳ năm 2021	Năm 2022	
			Kế hoạch (theo QĐ số 1417/QĐ- UBND ngày 27/4/2021)	Kế hoạch (theo QĐ số 2556/QĐ - SNN ngày 30/12/2022 - Điều chỉnh đặt hàng 2022)				Kế hoạch (theo QĐ số 2556/QĐ - SNN ngày 30/12/2022 - Điều chỉnh đặt hàng 2022)	Kế hoạch (theo QĐ số 1417/QĐ- UBND ngày 27/4/2021)
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6] = [5]/[1]	[7] = [5]/[2]	[8] = [5]/[3]	[9] = [5]/[4]
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh									
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu (ha)	147.381	140.409	156.280	138.814	138.814	94%	99%	100%	89%
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu (ha)	147.381	140.409		138.814	138.814	94%	99%	100%	
3. Tồn kho cuối kỳ	0	0			0				
B. Chỉ tiêu tài chính									
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	179.320	179.973	101.081		187.250	104%	104%		185%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu									
3. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	179.320	179.973	101.081		187.250	104%	104%		185%
4. Giá vốn hàng bán	153.585	157.412			165.072	107%	105%		
5. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.735	22.561			22.178	86%	98%		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	7.183	26		56	224%	1%		215%
7. Chi phí tài chính	251	299			18	7%	6%		
8. Chi phí bán hàng									
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.128	15.666			16.169	94%	103%		



Nội dung	Cùng kỳ năm 2020	Cùng kỳ năm 2021	Năm 2022			Biến động so với (tỷ lệ %)			
			Kế hoạch		Thực hiện	Cùng kỳ năm 2020	Cùng kỳ năm 2021	Năm 2022	
			Kế hoạch (theo QĐ số 1417/QĐ- UBND ngày 27/4/2021)	Kế hoạch (theo QĐ số 2556/QĐ - SNN ngày 30/12/2022 - Điều chỉnh đặt hàng 2022)				Kế hoạch (theo QĐ số 2556/QĐ - SNN ngày 30/12/2022 - Điều chỉnh đặt hàng 2022)	Kế hoạch (theo QĐ số 1417/QĐ- UBND ngày 27/4/2021)
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6] = [5]/[1]	[7] = [5]/[2]	[8] = [5]/[3]	[9] = [5]/[4]
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	8.381	13.779			6.047	72%	44%		
11. Thu nhập khác	0	0			1.698				
12. Chi phí khác	241	273			1.750	726%	641%		
13. Lợi nhuận khác	(241)	(273)			(52)	22%	19%		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.140	13.506			5.995	74%	44%		
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23	45			47	204%	104%		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại									
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	8.117	13.461	5.857		5.948	73%	44%		102%

KÊ TOÁN TRƯỞNG 



Phạm Thị Hồng Hải

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2023



CHỦ TỊCH


Vũ Mạnh Hùng

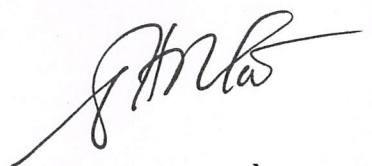
UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

Biểu số 02.D
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015
của Bộ Tài chính)

TÌNH HÌNH SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH NĂM 2022

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch		Thực hiện	Tỷ lệ so với kế hoạch (%)		Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước (%)
		Quyết định số 1417/QĐ-UBND ngày 27/4/2021	Quyết định số 2556/QĐ - SNN ngày 30/12/2022 - Điều chỉnh đặt hàng 2022		Quyết định số 1417/QĐ-UBND ngày 27/4/2021	Quyết định số 2556/QĐ - SNN ngày 30/12/2022 - Điều chỉnh đặt hàng 2022	
1. Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm (ha)	ha	156.280	138.814	138.814	89%	100%	99%
2. Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu	ha	0		0		-	-
3. Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu	ha	0		0		-	-
4. Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm	triệu đồng			181.359			104%
5. Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm	triệu đồng	101.107		187.183	185%		104%

KÊ TOÁN TRƯỞNG

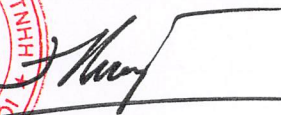


Phạm Thị Hồng Hải

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2023



CHỦ TỊCH



Vũ Mạnh Hùng

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp kỳ trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
1. Thuế	35	1.343	1.304	73
- Thuế GTGT	5	211	209	7
- Thuế TNDN	41	75	102	14
- Thuế TNCN	13	77	13	77
- Thuế Xuất, nhập khẩu	0			0
- Thuế đất	0	969	969	0
- Các khoản thuế khác	-24	11	11	-24
2. Các khoản phải nộp khác	0	35	35	0
- Phí, lệ phí		0	0	0
- Các khoản phải nộp khác		35	35	
3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định				
Cộng	35	1.378	1.340	73

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2022

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ Đầu tư phát triển	2.578	0	1.147	1.431
2. Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	9.095	7.246	7.990	8.350
<i>Trong đó: Quỹ thưởng VCQLDN</i>	<i>164</i>	<i>156</i>	<i>135</i>	<i>185</i>
3. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN				
4. Quỹ đặc thù khác (nếu có)				

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2023

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phạm Thị Hồng Hải

CHỦ TỊCH



Vũ Mạnh Hùng

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

Biểu số 03.A
(Ban hành kèm theo Thông tư số
77/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021
của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC GIỮ
TRÊN 50% VỐN ĐIỀU LỆ TRỞ LÊN VÀ KHÔNG QUÁ 50% VỐN ĐIỀU LỆ**

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn nhà nước đầu tư	Tổng doanh thu	Lợi nhuận sau thuế	Lỗ lũy kế (nếu có)	Số phát sinh phải nộp NSNN trong năm	Số cổ tức nộp ngân sách nhà nước trong năm (số phát sinh)	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	Tỷ lệ nợ phải trả/vốn chủ sở hữu	Ghi chú
	Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ	2.155.000	100%	187.250	5.948		1.378		0,37%	1,17	6,82%	

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phạm Thị Hồng Hải

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2023

CHỦ TỊCH



Vũ Mạnh Hùng

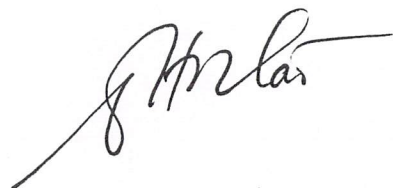
UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHƯỆ

Biểu số 05.A

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2022
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu 1 (tr.đồng) Doanh thu và thu nhập khác			Chỉ tiêu 2							Chỉ tiêu 3				Chỉ tiêu 4 Xếp loại	Chỉ tiêu 5 Xếp loại	Xếp loại DN	
KH	TH	Xếp loại	Lợi nhuận (triệu đồng)		Vốn CSH bình quân (triệu đồng)		Tỷ suất LN/vốn (%)		Xếp loại	Khả năng thanh toán nợ đến hạn			Nợ quá hạn (tr.đồng)				Xếp loại
			KH	TH	KH	TH	KH	TH		TSNH (tr.đồng)	Nợ NH (tr.đồng)	TSNH/N NH (lần)					
101.081	187.250	A	5.857	5.948	1.612.932	1.616.107	0,36%	0,37%	A	128.933	110.621	1,17	0	A	B	A	B

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phạm Thị Hồng Hải

Hà Nội, ngày 08 tháng 2 năm 2023

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Vũ Mạnh Hùng

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

Biểu số 05.B

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

TT	Tên doanh nghiệp	Tỷ suất Lợi nhuận/Vốn CSH			Kết quả xếp loại Doanh nghiệp	Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của VCQL	Xếp loại hoạt động VCQL Doanh nghiệp
		Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện/ Kế hoạch			
1	Công ty TNHH MTV ĐTPT Thủy lợi Sông Nhuệ	0,36	0,37	101,4%	B	Tốt	Hoàn thành nhiệm vụ

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Phạm Thị Hồng Hải

Hà Nội, ngày 08 tháng 2 năm 2023

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Vũ Mạnh Hùng

Biểu số 06.B

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

CÔNG KHAI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2022

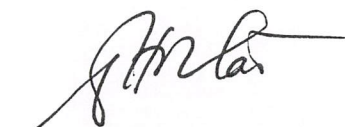
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp	Lĩnh vực kinh doanh	Tổng tài sản								Tổng nguồn vốn							
			Tổng số	Trong đó							Tổng số	Nợ phải trả			Vốn chủ sở hữu		Tỷ lệ sở hữu của nhà nước	
				Tài sản ngắn hạn	Hàng tồn kho	Đầu tư tài chính ngắn hạn	Đầu tư tài chính dài hạn	Tài sản dài hạn	Nợ phải thu	Nợ phải thu khó đòi		Nợ phải trả ngắn hạn	Nợ phải trả dài hạn	Nợ vay (vay ngắn hạn và dài hạn)	Năm trước	Năm báo cáo	Năm trước	Năm báo cáo
1	Công ty TNHH một thành viên ĐTPT Thủy lợi Sông Nhuệ	DN Công ích	1.907.285	128.933	629.205	0	0	1.778.352	122.941	0	1.907.285	110.669	48	0	1.796.122	1.796.616	100%	100%

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phạm Thị Hồng Hải

Hà Nội, ngày 08 tháng 2 năm 2022

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Vũ Mạnh Hùng

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

Biểu số 06.C

CÔNG KHAI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp	Doanh thu		Lợi nhuận trước thuế		Lỗ		Phải nộp NSNN		Đã nộp NSNN		Đầu tư ngoài ngành		
		Năm trước	Năm báo cáo	Năm trước	Năm báo cáo	Lỗ phát sinh	Lỗ lũy kế	Năm trước	Năm báo cáo	Năm trước	Năm báo cáo	Lĩnh vực	Tổng giá trị khoản đầu tư	
													Năm trước	Năm báo cáo
1	Công ty TNHH một thành viên ĐTPT Thủy lợi Sông Nhuệ	187.156	189.005	13.506	5.995			788	1.378	782	1.340			

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2023

KẾ TOÁN TRƯỞNG 


Phạm Thị Hồng Hải

CHỦ TỊCH



Vũ Mạnh Hùng